Họ tên: Trịnh An Hải

Usecase đặc tả: Sửa thông tin chấm công

**Đặc tả usecase “Sửa thông tin chấm công”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC002 | **Tên Use case** | Sửa thông tin chấm công |
| **Tác nhân** | Quản lý nhân sự | | |
| **Tiền điều kiện** | Đã đăng nhập với vai trò quản lý nhân sự | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1 | Quản lý nhân sự | Chọn chức năng sửa thông tin chấm công | | 2 | Hệ thống quản lý nhân sự | Truy xuất thông tin nhân sự | | 2 | Hệ thống | Hiển thị danh sách chấm công | | 3 | Quản lý nhân sự | Tìm kiếm theo nhân viên và ngày chấm công | | 4 | Hệ thống | Hiển thị thông tin chấm công của nhân viên theo ngày | | 5 | Quản lý nhân sự | Sửa thông tin chấm công cho nhân viên | | 6 | Hệ thống | Yêu cầu xác nhận | | 7 | Quản lý nhân sự | Xác nhận cập nhật thay đổi | | 8 | Hệ thống | Lưu thay đổi vào cơ sở dữ liệu | | 9 | Hệ thống | Hiển thị lưu thông tin thành công | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 4a. | Hệ thống | Thông báo không có kết quả tìm kiếm | | 6b. | Hệ thống | Thông báo lỗi: “Dữ liệu không hợp lệ” | | 7c. | Quản lý nhân sự | Từ chối xác nhận | | 8c. | Hệ thống | Trở về giao diện sửa thông tin | | 9d. | Hệ thống | Hiển thị có lỗi xảy ra yêu cầu sửa lại | | | |
| **Hậu điều kiện** | Không | | |

\* Dữ liệu đầu vào của thông tin tìm kiếm:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường    dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
|  | Mã nhân viên | Mã số nhân viên lưu trong hệ thống quản lý nhân sự | Có | Một chuỗi có  8 chữ số | 01234567 |
|  | Ngày | Ngày làm việc | Có | Ngày trong năm | 11/10/2023 |

\* Dữ liệu đầu vào của thông tin chấm công gồm các trường dữ liệu sau:

Đối với công nhân

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường    dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| 1. | Ca | Ca làm việc của công nhân | Không | Ca 1, Ca 2, Ca 3 | Ca 1 |
| 2. | Giờ làm việc | Thời gian làm việc theo tiếng | Không | Số thực >= 0 và <= 4 | 4.0 |

Đối với nhân viên văn phòng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường    dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
| 1. | Buổi | Buổi làm việc của nhân viên | Không | Sáng, Chiều | Sáng |
| 2. | Có chấm công | Có đi làm vào buổi đó hay không | Không | Có, không | 4.0 |
| 3. | Đi muộn | Số giờ đi muộn | Không | Số thực >= 0 | 0.25 |
| 4. | Về sớm | Số giờ về sớm | Không | Số thực >= 0 |  |

**Biểu đồ hoạt động “Sửa thông tin chấm công”**

